

Số:108/2026/QĐST-HNGĐ

*Huế, ngày 08 tháng 4 năm 2026*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Lê Thị Kiều O, sinh năm 1999; số căn cước: 046199000784; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thành phố H.

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1999; số căn cước công dân: 046099000814; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Kiều O kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) vào ngày 08/3/2025 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra gây gổ, cãi vã nhau, đã ly thân từ tháng 8 năm 2025. Nay anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31/3/2026, anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Kiều O đã thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được công nhận.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị Kiều O có một người con chung tên là Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 10/02/2026. Anh D và chị O thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 10/02/2026 cho chị Lê Thị

Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Lê Minh K đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Lê Minh K số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Lê Minh K đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh D và chị O là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Về lệ phí tòa án: Chị Lê Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận chị Lê Thị Kiều O tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 10/02/2026 cho chị Lê Thị Kiều O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Lê Minh K đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Lê Minh K số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Lê Minh K đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

**2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự:** Chị Lê Thị Kiều O và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận chị Lê Thị Kiều O tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí theo biên lai tạm ứng lệ phí số 0000831 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Lê Thị Kiều O đã nộp đủ.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 – Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- UBND phường Phong Thái  
(Đăng ký số 16 ngày 08/3/2025);
- Các đương sự;
- Lưu án HNGĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Dũng**